

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**
-----***-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST

Ngày 24 tháng 02 năm 2023

V/v: “Tuyên bố không công nhận vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Cảnh Toàn**.

+ *Các hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Văn Quân** và ông **Nguyễn Thanh Phong**.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Mậu Tuân** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gian phiên tòa: Bà **Lê Trịnh Xuân Trang**.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại Toà án nhân dân huyện Krông Năng, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 387/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/12/2022, về việc: “Yêu cầu tuyên bố không công nhận vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/02/2023, giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Bà Thái Thị H - Sinh năm 1974. Có mặt.

Địa chỉ: thôn T – xã Đ – huyện K – tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Đặng Xuân M - Sinh năm 1967. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn T – xã Đ – huyện K – tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, bà Thái Thị H trình bày: Tôi và ông Đặng Xuân M chung sống với nhau từ năm 2004, không có đăng ký kết hôn và có 01 con chung tên là Đặng Thái S – sinh ngày 24/01/2005. Trong thời gian chung sống với nhau thường xảy ra mâu thuẫn, đã nhiều lần gia đình, anh em đến giải quyết và ông M đã hứa

sửa chữa nhưng chứng nào tật ấy không thay đổi mà ngày càng mâu thuẫn nhiều hơn. Gia đình đã rất nhiều lần mâu thuẫn và tôi cũng đã bỏ qua nhiều lần cho ông M và đến tháng 8/2022 thì giữa tôi và ông M đã cùng thỏa thuận về tình cảm và tài sản theo như biên bản đã ký nhưng ông Mai không thực hiện, cuộc sống cứ áp lực ngày càng tăng, nặng nề hơn. Nay tôi đề nghị Tòa án tuyên bố giữa tôi và ông Đặng Xuân M không phải là vợ chồng.

Về con chung có 01 con chung là cháu Đặng Thái S, nguyện vọng của tôi nhận nuôi dưỡng cháu và tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung thì chúng tôi đã tự thỏa thuận với nhau, nếu có tranh chấp thì tôi sẽ đề nghị giải quyết sau.

- Tại biên bản lấy lời khai khai, ông Đặng Xuân M trình bày: Tôi và chị Thái Thị H tìm hiểu rồi yêu nhau tự nguyện và nên vợ chồng từ năm 2002. Việc chúng tôi nên vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán cũng như được họ hàng hai bên gia đình chấp thuận. Do hiểu biết cũng như điều kiện cuộc sống nên chúng tôi chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nay chị Thái Thị H làm đơn tuyên bố tôi và chị H không phải là vợ chồng thì tôi không chấp nhận. Bản thân tôi vẫn còn thương yêu chị H và tôi mong muốn tiếp tục sống chung với chị H để vợ chồng làm ăn, nuôi dạy con nên người.

Về con chung, chúng tôi có 01 con chung là cháu Đặng Thái S – sinh ngày 24/01/2005, hiện nay cháu S vẫn đang ở với chúng tôi và cháu cũng đã gần đủ 18 tuổi nên chúng tôi sẽ có trách nhiệm cùng nuôi dạy cháu.

Về tài sản chung và nợ thì tôi vẫn muốn sống chung với chị H nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Thái Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện và đề nghị Tòa án tuyên bố giữa bà Thái Thị H và ông Đặng Xuân M không phải là vợ chồng; về con chung là cháu Đặng Thái S – sinh ngày 24/01/2005 hiện đã trên 18 tuổi nên không đề cập. Ông Đặng Xuân M vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc thụ lý và quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của bà Thái Thị H, tuyên bố giữa bà Thái Thị H và ông Đặng Xuân M không phải là vợ chồng.

Con chung là Đặng Thái S – sinh ngày 24/01/2005 hiện đã trên 18 tuổi nên không đề cập.

Tài sản và nợ, do các đương sự không yêu cầu nên không đề cập.

Án phí: Bà Thái Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Bà Thái Thị H khởi kiện yêu cầu tuyên bố quan hệ giữa bà và ông Đặng Xuân M không phải là vợ chồng nên quan hệ tranh chấp được xác định là không công nhận vợ chồng, được quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[1.2] Bị đơn Đặng Xuân M cư trú tại thôn T - xã Đ - huyện Krông Năng nên Toà án nhân dân huyện Krông Năng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.3] Bị đơn Đặng Xuân M đã được Tòa án tổng đạt quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Thái Thị H và ông Đặng Xuân M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004. Việc hai người chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, do hai người quyết định, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Như vậy, việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa bà H và ông M đã vi phạm vào khoản 1 Điều 9 về Đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình. Bà Thái Thị H và ông Đặng Xuân M có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên phải chịu hậu quả của việc chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, được quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống với nhau thì giữa bà H và ông M đã không có thái độ tôn trọng nhau, thường xích mích, xúc phạm nhau. Xét mâu thuẫn giữa bà Thái Thị H và ông Đặng Xuân M không thể hàn gắn được với nhau, tình cảm đã hết. Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố quan hệ giữa hai người không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Con chung là cháu Đặng Thái S – sinh ngày 24/01/2005 hiện đã trên 18 tuổi, đầy đủ năng lực hành vi cũng năng lực nhận thức nên việc nuôi con không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[2.4] Về án phí: Bà Thái Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố bà Thái Thị H và ông Đặng Xuân M không phải là vợ chồng.

- Về án phí: Bà Thái Thị H phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (do bà Thái Thị Thủy Nh) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 0022073 ngày 13/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- Dương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Cảnh Toàn